

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:...../2018/HS-ST
Ngày 25- 01- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Hoàng.

Ông Lê Thanh Miện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Mai- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 97/2017/TLST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn C**, sinh ngày 18 tháng 7 năm 1992 tại xã Đ, huyện H, tỉnh B. Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn K, sinh năm 1971 và bà: Đỗ Thị T, sinh năm 1971; có vợ: Dương Thị H, sinh năm 1993 và 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 24/10/2017 đến ngày 30/10/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Hiện bị cáo tại ngoại- Có mặt.

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990; TQ: Thôn Th, xã T, huyện P, tỉnh T- Có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992; TQ: Thôn K, xã K, huyện P, tỉnh T - Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1990; TQ: Thôn Th, xã T, huyện P, tỉnh T- Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976; TQ: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B - Vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1992; TQ: Thôn Th, xã T, huyện P, tỉnh T - Có mặt.

5. Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1960; TQ: Tổ 3, phường M, thành phố S, tỉnh T - Vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; TQ: Thôn Th, xã T, huyện P, tỉnh T - Có mặt.

7. Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1971; TQ: Thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh B - Có mặt.

8. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1971; TQ: Thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh B - Có mặt.

9. Chị Dương Thị H, sinh năm 1993; TQ: Thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh B - Có mặt.

+ Người định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị V- Chủ tịch Hội đồng; bà Vũ Thị V- thành viên thường trực; ông Nguyễn Hữu Q- thành viên; ông Trần Đình H- thành viên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi sáng ngày 21/10/2017 Nguyễn Văn C - sinh năm 1992 ở thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh B một mình đi xe mô tô đến Công ty điện tử S (Công ty S) có trụ sở tại thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B làm việc. Đến khoảng 17 giờ 50 phút cùng ngày sau khi hết giờ làm, C đi ra nhà để xe của Công ty S để lấy xe mô tô đi về thì nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave màu trắng đen bạc, biển kiểm soát 20G1- 285.65, số máy HC12E5710019, số khung 1219DY709944 của anh Nguyễn Văn H - sinh năm 1990 ở thôn T, xã T, huyện P, tỉnh T là công nhân làm cùng công ty để quên chìa khóa xe cắm ở ổ khóa cốp dưới yên xe. C quan sát xung quanh không có ai nên đi gần đến chiếc xe mô tô của anh H mở khóa cốp xe và quan sát bên trong cốp xe thấy có vé gửi xe của công ty; 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ ATM của ngân hàng BIDV mang tên Nguyễn Văn H; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự và 01 bản phô tô đăng ký của xe mô tô biển kiểm soát 20G1 - 285.65 nên C đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô của anh H. C lấy vé gửi xe ra khỏi cốp xe rồi nổ máy, dắt xe qua cổng bảo vệ đưa vé gửi xe cho bảo vệ của công ty. Bảo vệ của công ty nhận vé và đối chiếu số ghi trên vé xe và yên xe trùng khớp nhau nên cho C đi qua. C điều khiển xe vừa trộm cắp được đi về nhà cất giấu ở nhà ngang của gia đình, sau đó C gọi điện thoại cho anh Nguyễn Văn T - sinh năm 1992 ở thôn K, xã K, huyện P, tỉnh T là bạn của C và nói dối với anh T là bị mất chìa khóa xe nên đã về nhà lấy chìa khóa

khác rồi nhờ anh T đến nhà đưa C đến công ty để lấy xe chiếc xe mô tô của C về. Nhận được tin, anh T đi xe mô tô đến nhà C chờ C đến công ty để lấy chiếc xe mô tô về, C không nói và anh T cũng không biết việc C đã trộm cắp xe của anh H. Sau khi về, C nói dối với gia đình (bố, mẹ và vợ) xe mô tô C trộm cắp của anh H là do C mua của người cùng làm ở công ty với giá 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*), xe không có giấy đăng ký vì chủ xe làm mất giấy đăng ký nên để lại giấy chứng minh nhân dân, khi nào làm lại giấy đăng ký xe thì đưa lại cho C sau. Thấy C nói vậy, ông Nguyễn Văn K - sinh năm 1971 (là bố đẻ) của C thấy xe không có giấy đăng ký xe nên yêu cầu C mang xe trả lại, không mua nữa. Buổi sáng ngày 24/10/2017, C lấy tô vít của gia đình tháo lỏng biển số xe đã trộm cắp được sau đó C điều khiển xe mô tô 20G1 - 285.65 đến công ty, sau khi ra khỏi cổng nhà, C quan sát xung quanh thấy không có ai nên đã dừng xe lại tháo biển kiểm soát của xe ra, cất giấu vào trong cốp xe và tiếp tục đi xe mô tô đến công ty gửi xe ở nhà để xe của công ty rồi vào làm việc. Buổi trưa ngày 24/10/2017, khi anh H đang làm thủ tục trình báo việc mất chiếc xe mô tô 20G1 - 285.65 với công ty ở nhà bảo vệ của công ty thì phát hiện chiếc xe mô tô của mình bị mất trộm ngày 21/10/2017 đang để ở nhà xe nhưng đã bị tháo biển kiểm soát. Buổi chiều ngày 24/10/2017 bảo vệ công ty nhìn thấy C là người ra lấy chiếc xe mô tô của anh H báo bị mất trộm nên trình báo sự việc với Công an xã T. C biết hành vi trộm cắp tài sản của bản thân đã bị phát hiện nên đã đầu thú hành vi phạm tội của mình tại Công an xã T, huyện H và giao nộp chiếc xe mô tô cùng một số giấy tờ trong cốp xe C đã trộm cắp của anh H.

Ngày 25/10/2017 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H kết luận chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xe Wave, màu trắng đen bạc, biển kiểm soát 20G1 - 285.65, số máy HC12E5710019, số khung 1219DY709944 đã qua sử dụng mà C trộm cắp trị giá 12.000.000 đồng (*mười hai triệu đồng chẵn*).

Trong quá trình điều tra, anh Nguyễn Văn H còn khai bị mất số tiền 32.562.000 đồng để trong cốp xe mà C đã trộm cắp nhưng C không thừa nhận lấy số tiền này. Ngày 01/11/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa đã tiến hành đối chất giữa anh H và C nhưng không có kết quả.

Ngày 15/12/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa đã ra quyết định xử lý vật chứng số 01 trả lại cho anh Nguyễn Văn H: 01 chứng minh nhân dân số 091625043 do Công an tỉnh T cấp ngày 10/6/2014; 01 thẻ ATM của ngân hàng BIDV số 9704 1800 6659 2122 đều mang tên Nguyễn Văn H; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS số 0064912 chủ xe mô tô mang tên Nguyễn Văn H và 01 bản phô tô chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 20G1- 285.65. Còn chiếc xe mô tô BKS: 20G1- 285.65 hiện nay Cơ quan điều tra vẫn đang tạm giữ.

Từ hành vi trộm cắp tài sản nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn C, tại bản cáo trạng số 04/KSĐT ngày 21/12/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp

Hòa, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn C ra trước Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa công khai sơ thẩm, bị cáo thừa nhận đã có hành vi trộm cắp tài sản như cáo trạng truy tố và nội dung vụ án đã tóm tắt nêu trên, rất hối hận về việc làm của mình, thành khẩn khai báo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị hại (anh Nguyễn Văn H) trình bày: Buổi sáng ngày 21/10/2017 trước khi đi làm, anh H lấy số tiền 32.562.000đ trong gối ngủ trên giường ngủ của anh H bỏ vào cốp xe mô tô để sau khi hết giờ làm việc buổi chiều sẽ xuống thị trấn T, huyện H mua xe mô tô loại Arblade. Nguồn tiền này do anh H lấy phường đồng niên gồm 8 người tham gia chơi, mỗi người đóng 2 triệu, lấy khoảng ngày 24 hoặc 25/9/2017, được tổng cộng là 14 triệu đồng và lấy một phường đội bóng gồm 10 người chơi, lấy ngày 23 hoặc 24/8/2017, được tổng cộng là 18.000.000đ và cộng thêm tiền tiết kiệm lương từ tháng 6/2017 đến tháng 8/2017. Đến khoảng 18 giờ 35 cùng ngày anh H làm xong việc ra chỗ để xe để lấy xe về nhà thì không thấy chiếc xe đâu, kiểm tra lại trên người không thấy chìa khóa xe và vé xe mới nhớ ra để quên tại xe do vội vào làm, anh H tìm đến khoảng 19h15 vẫn không thấy xe nên đã trình báo với bảo vệ của công ty, anh H chỉ trình báo mất xe với bảo vệ của công ty và Công an xã T, khi phát hiện ra bị cáo C trộm cắp xe thì anh H mới trình báo mất số tiền 32.562.000đ để ở trong cốp xe, lý do là vì anh xác định nhiều trường hợp mất xe không tìm lại được nên nghĩ không tìm được xe bị mất do đó không khai báo mất tiền để ở trong xe. Đến trưa ngày 24/10/2017 khi anh H ra phòng bảo vệ của công ty thì nhìn thấy chiếc xe mô tô của anh H đang để ở nhà để xe và bị tháo biển số của xe. Sau đó bị cáo C đã bị bắt quả tang khi ra lấy chiếc xe của anh. Theo anh H thì bị cáo C là người trộm cắp xe thì cũng là người trộm cắp của anh số tiền 32.562.000đ anh để trong cốp xe khi bị mất cắp. Tại phiên tòa anh H đề nghị được xin lại chiếc xe mô tô do bị cáo C trộm cắp đang bị tạm giữ và yêu cầu bị cáo C phải hoàn trả lại anh số tiền 32.562.000đ anh để ở cốp xe mô tô mà bị cáo C trộm cắp vì anh xác định bị cáo C trộm cắp xe thì bị cáo C cũng là người trộm cắp tiền của anh. Về hình sự anh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo C.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. □p dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999; Xử phạt: Nguyễn Văn C từ 09 tháng

từ đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhđng cho hđng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo: Nguyễn Văn Công cho UBND xã Đ, huyện H, tỉnh B giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- *Về dân sự*: Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn H về việc buộc bị cáo C phải hoàn trả số tiền 32.562.000đ (Ba mươi hai triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

- *Về vật chứng*: Áp dụng khoản 2 Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1 và khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Trả lại cho bị hại là anh Nguyễn Văn H 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng đen bạc, biển kiểm soát 20G1-285.65, số máy HC 12E5710019, số khung 1219DY709944 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh Nguyễn Văn H.

- *Về án phí*: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Miễn án phí phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn C; Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Nguyễn Văn H do bị cáo C và anh H thuộc diện hộ nghèo và hộ cận nghèo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Việc truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo và mức án do kiểm sát viên đề nghị là có căn cứ và đúng pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, cần được chấp nhận.

[2]. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại Cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Tài sản bị cáo trộm cắp đã chứng minh được là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave màu trắng đen bạc, biển kiểm soát 20G1 - 285.65 có trị giá là 12.000.000 đồng (*mười hai triệu đồng chẵn*). Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận cho bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang dao động và làm bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo để giáo dục riêng và góp phần răn đe phòng ngừa chung. Xét về nhân thân: bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã đầu thú, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, phạm tội có tính chất cơ hội, bột phát nhất thời phạm tội, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ về hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần khi lượng hình. Đối với bị cáo thuộc diện hộ nghèo, vì vậy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung để phạt tiền bị cáo.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị hại (anh Nguyễn Văn H) yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn C phải có trách nhiệm hoàn trả lại anh số tiền 32.562.000đ anh để ở cốp xe mô tô do bị cáo C trộm cắp vì vậy xác định bị cáo C cũng là người trộm cắp số tiền 32.562.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy, tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo C khẳng định khi mở cốp xe mô tô của anh H thì không có khoản tiền nào để trong cốp xe. Thời gian anh H để xe mô tô tại nhà để xe (nơi có nhiều người qua lại tự do) là từ sáng cho đến buổi chiều hết giờ làm việc thì bị cáo C mới phát hiện chìa khóa xe của anh H vẫn cắm ở ổ khóa cốp xe, anh H cũng xác định để quên chìa khóa xe tại xe mô tô, như vậy khoảng thời gian này không thể xác định được có người nào phát hiện ra xe của anh H vẫn có chìa khóa ở xe và có người nào mở cốp xe phát hiện có tiền và lấy đi hay không, do đó không đủ cơ sở xác định bị cáo C là người trộm cắp xe của anh H đồng thời là người trộm cắp số tiền 32.562.000đ mà anh H xác định để trong cốp xe và bị mất. Mặt khác, qua làm việc với những người làm chứng là: Anh Nguyễn Văn T- bảo vệ của Công ty điện tử S xác định khi anh H báo mất xe mô tô anh H trình báo trong cốp xe có vé gửi xe, giấy chứng minh thư và 01 thẻ ATM của anh H, chìa khóa xe vẫn cắm ở cốp xe, anh T không thấy anh H nói, trình báo mất tài sản nào khác có trong cốp xe và anh H cũng xác định chỉ đến khi phát hiện ra bị cáo C trộm cắp xe thì anh H mới trình báo mất tiền; anh Hoàng Văn Bá xác định ngày 07/10/2017 anh H có đến cửa hàng cầm đồ của anh B ở phường M, thành phố S, tỉnh T để cầm cố chiếc xe mô tô của anh H mà bị cáo C trộm cắp nêu trên lấy số tiền 6 triệu đồng, do anh H cần xe đi lại nên hai bên viết giấy tờ mua bán xe để làm tin, anh H cũng xác định cầm xe lấy tiền để trả nợ người cùng thôn T, trong khi đó anh H trình bày số tiền bị mất là tiền lấy hai hội phường vào tháng 8 và tháng 9/2017 và tiền tiết kiệm lương của anh từ tháng 6 đến tháng 8/2017 mà có và cất giữ tại chiếc gối ngủ bị hỏng khóa tại giường ngủ của anh H, chiếc giường này ở 3 gian nhà ngoài của gia đình anh H, nhưng anh H lại phải đi vay lãi của người khác và sau đó cầm cố xe để trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy trong lời trình bày của anh H có mâu thuẫn với nhau, anh H cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ cụ thể, xác thực về việc anh để số tiền 32.562.000đ ở trong cốp xe mô tô và bị mất trộm theo xe.

Vì vậy, yêu cầu của anh H về việc buộc bị cáo C phải hoàn trả số tiền là 32.562.000đ không có cơ sở để chấp nhận.

- *Về vật chứng của vụ án:* 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng đen bạc, biển kiểm soát 20G1-285.65, số máy HC 12E5710019, số khung 1219DY709944 do bị cáo Nguyễn Văn C trộm cắp đã được thu giữ, đây là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh Nguyễn Văn H, cần trả lại cho anh Nguyễn Văn H.

- *Về án phí:* Do bị cáo C thuộc diện hộ nghèo, anh Nguyễn Văn H thuộc diện hộ cận nghèo nên bị cáo C và anh H thuộc diện được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 232; Điều 233, Điều 234 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Nguyễn Văn C 09 (Chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhậm cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo: Nguyễn Văn C cho UBND xã Đ, huyện H, tỉnh B giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- *Về dân sự:* Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn H về việc buộc bị cáo C phải hoàn trả số tiền 32.562.000đ (Ba mươi hai triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

- *Về vật chứng:* Áp dụng khoản 2 Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1 và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Trả lại cho người bị hại là anh Nguyễn Văn H 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng đen bạc, biển kiểm soát 20G1-285.65, số máy HC 12E5710019, số khung 1219DY709944 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh Nguyễn Văn H.

- *Về án phí:* Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Miễn án phí phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn C. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Nguyễn Văn H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo, bị hại có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Công an Hiệp Hòa.
- L- u hồ sơ vụ án.
- Bị cáo.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Xuân Toàn.